

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68/2024/DS-ST**
Ngày: 28-6-2024.
(V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Toàn
- Ông Nguyễn Lê Phong

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Giang Ngọc Hà, Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên
tòa:** Bà Huỳnh Nhã Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết,
tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2024/TLST-DS,
ngày 20 tháng 3 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2024/QĐXXST-DS ngày: 07/5/2024 và Quyết
định hoãn phiên tòa số: 263/2024/QĐST-DS ngày: 29/5/2024 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ trụ sở: số B, đường C, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch F - Chức vụ: Tổng
Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đắc G - Chức vụ: Giám đốc
(Theo Quyết định ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023).

Ông G ủy quyền lại cho bà Phan Thị Bạch H - Chức vụ: Phó Giám đốc
(Theo Quyết định ủy quyền số 64/2024/GUQ-CNBT ngày 22/01/2024) và bà
Nguyễn Mai I, Giấy ủy quyền số 69/2024/GUQ-CNBT, ngày 22/01/2024).

Trụ sở Chi nhánh: số J, đường K, phường L, thành phố Phan Thiết, tỉnh
Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Lê Ngọc M, sinh năm: 1996

Địa chỉ: số N, đường O, khu phố B, phường Q, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình
Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà
Nguyễn Mai I trình bày:** Ngày 07/3/2023, ông Lê Ngọc M ký hợp đồng tín dụng số
202326982428 với Ngân hàng A - Chi nhánh Bình Thuận (Gọi tắt là Ngân hàng)
theo các nội dung như sau: Giấy nhận nợ LD2306701025; Số tiền vay:

700.000.000 đồng; Mục đích vay: Chuyển nhượng bất động sản; Thời hạn vay vốn: 360 tháng, từ ngày 08/3/2023 đến ngày 08/3/2053; Phương thức trả nợ: gốc và lãi trả hàng tháng, số tiền gốc trả hàng tháng: 1.945.000 đồng; Dư nợ: 680.550.000 đồng. Lãi phát sinh đến ngày 28/6/2024: 45.791.000 đồng (lãi trong hạn: 43.644.000 đồng và lãi quá hạn: 2.147.000 đồng).

- Ngày 18/4/2023, ông Lê Ngọc M ký hợp đồng cho vay kèm Giấy nhận nợ số LD2310800547 (vay online) với Ngân hàng A theo các nội dung như sau: Giấy nhận nợ số LD2310800547; Số tiền vay: 50.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay vốn: 24 tháng, từ ngày 18/4/2023 đến ngày 18/4/2025; Phương thức trả nợ: gốc và lãi trả hàng tháng, số tiền gốc trả hàng tháng: 2.083.000 đồng; Dư nợ: 31.244.000 đồng; Lãi phát sinh đến ngày 28/6/2024: 3.292.000 đồng (lãi trong hạn: 2.486.000 đồng và lãi quá hạn: 806.000 đồng).

- Ngày 31/12/2020, ông Lê Ngọc M có ký với Ngân hàng A, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) theo các nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, lãi suất 12%/năm. Dư nợ thẻ tín dụng đến ngày 28/6/2024 là 48.485.355 đồng (trong đó, gốc là 44.045.189 đồng và lãi quá hạn là 4.440.166 đồng).

Như vậy, tính đến ngày 28/6/2024 ông Lê Ngọc M còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 809.362.355 đồng, trong đó nợ gốc 755.839.189 đồng, nợ lãi 53.523.166 đồng (lãi trong hạn: 46.130.000 đồng và lãi quá hạn: 7.393.166 đồng).

Tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông Lê Ngọc M đã thế chấp Bất động sản là thửa đất tọa lạc tại khu vực Dốc Hồi Long, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo GCN QSDĐ QSHNO & TSKGLVD số DB 538259 (số vào sổ cấp GCN: CS03024) do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 18/05/2021, cập nhật biến động ngày 20/02/2023 đứng tên ông Lê Ngọc M, theo Hợp đồng thế chấp số 42/2023/TC ngày 08/3/2023.

Căn cứ theo lịch trả nợ của các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Lê Ngọc M, ông M phải thanh toán gốc và lãi phát sinh, tuy nhiên ông M không thực hiện việc trả nợ theo như cam kết, do đó món nợ đã bị chuyển quá hạn.

Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ và làm việc trực tiếp với ông M, tuy nhiên phía ông M vẫn không có thiện chí trả nợ, hiện ông M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chúng tôi theo Hợp đồng cho vay đã ký kết. Để đảm bảo quyền lợi của các bên, đảm bảo tuân thủ luật pháp, Ngân hàng chúng tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết giải quyết:

1. Buộc ông Lê Ngọc M phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền là 809.362.355 đồng, trong đó nợ gốc 755.839.189 đồng, nợ lãi 53.523.166 đồng (lãi trong hạn: 46.130.000 đồng và lãi quá hạn: 7.393.166 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 29/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ. Trường hợp ông Lê Ngọc M không trả được nợ, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết cho Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng tọa tại khu vực Dốc Hồi Long, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo GCN QSDĐ QSHNO & TSKGLVD số DB 538259 (số vào sổ cấp GCN: CS03024) do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 18/5/2021, cập nhật biến động ngày 20/02/2023, theo Hợp đồng thế chấp số

42/2023/TC, ngày 08/3/2023 để thu nợ.

2. Bị đơn phải chịu án phí và các chi phí tố tụng khác.

Bị đơn ông Lê Ngọc M: vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án không lý do, Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật nG không ghi nhận được ý kiến trình bày của ông M.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015. Thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng theo quy định tại Điều 220 BLTTDS năm 2015; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng các quy định của BLTTDS năm 2015.

- Về nội dung: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ nên căn cứ vào các Điều 5, 70, 71, 91, 227, 228, 233 BLTTDS 2015; Điều 299, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 BLDS 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn:

Buộc ông Lê Ngọc M phải trả cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền gốc, lãi, phí, chi phí tố tụng khác theo các Hợp đồng cho vay số: 202326982428 ký ngày 07/3/2023; hợp đồng cho vay kèm Giấy nhận nợ số LD2310800547 (vay online) ký ngày 18/4/2023 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 31/12/2020.

Đồng thời, ông Lê Ngọc M phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh theo các Hợp đồng nêu trên từ ngày 29/6/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng A.

Nếu ông Lê Ngọc M không trả được nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật, Ngoài ra Bị đơn còn phải chịu án phí và các chi phí tố tụng khác.

Vụ án đã được Tòa án hòa giải nG không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu:

Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng, tại thời điểm ký kết hợp đồng bị đơn ông Lê Ngọc M có địa chỉ tại khu phố 4, phường Mũi Né, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Về thời hiệu khởi kiện: theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, ông Lê Ngọc M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 29/01/2024 nên vụ án vẫn còn thời hiệu.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Lê Ngọc M phải trả cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác theo các Hợp đồng cho vay số: 202326982428 ký ngày 07/3/2023; hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD2310800547 (vay online) ký ngày 18/4/2023 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 31/12/2020. Tổng số tiền đến hết ngày 28/6/2024 là: 809.362.355 đồng, trong đó nợ gốc 755.839.189 đồng, nợ lãi 53.523.166 đồng (lãi trong hạn: 46.130.000 đồng và lãi quá hạn: 7.393.166 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 29/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ. Trường hợp ông Lê Ngọc M không trả được nợ, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết cho Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thừa đất tọa tại khu vực Dốc Hồi Long, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo GCN QSDĐ QSHNO & TSKGLVĐ số DB 538259 (sổ vào sổ cấp GCN: CS03024) do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 18/5/2021, cập nhật biến động ngày 20/02/2023, theo Hợp đồng thế chấp số 42/2023/TC ngày 08/3/2023 để thu nợ. Bị đơn còn phải chịu án phí và các chi phí tố tụng khác.

- Nếu toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Lê Ngọc M đối với Ngân hàng A và chi phí liên quan đến việc thi hành án (nếu có) mà không đủ thanh toán hết khoản nợ ông Lê Ngọc M vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Xét yêu cầu trên HĐXX nhận thấy: Giữa Ngân hàng A và ông Lê Ngọc M có ký kết các Hợp đồng tín dụng:

1. Hợp đồng cho vay số: 202326982428 ký ngày 07/3/2023; Giấy nhận nợ LD2306701025; Số tiền vay: 700.000.000 đồng; Mục đích vay: Chuyển nhượng bất động sản; Thời hạn vay vốn: 360 tháng, từ ngày 08/3/2023 đến ngày 08/3/2053; Phương thức trả nợ: gốc và lãi trả hàng tháng, số tiền gốc trả hàng tháng: 1.945.000 đồng; Dư nợ: 680.550.000 đồng. Hiện khoản vay đã quá hạn từ ngày 29/01/2024 đến nay quá hạn 148 ngày.

2. Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD2310800547 (vay online) ký ngày 18/4/2023; Giấy nhận nợ số LD2310800547; Số tiền vay: 50.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay vốn: 24 tháng, từ ngày 18/4/2023 đến ngày 18/4/2025; Phương thức trả nợ: gốc và lãi trả hàng tháng, số tiền gốc trả hàng tháng: 2.083.000 đồng; Dư nợ: 31.244.000 đồng; Hiện khoản vay đã quá hạn từ ngày 27/01/2024 đến nay quá hạn 151 ngày.

3. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 31/12/2020. Hạn mức sử dụng thẻ 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, lãi suất 12%/năm.

Các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận bởi những người có đủ thẩm quyền. Về hình thức, nội dung của hợp đồng cũng không vi phạm điều cấm, không trái với các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng tín

dụng này là hợp pháp. Do vậy, sau khi ký thì các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ nên buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giải ngân số tiền cho vay, ông Lê Ngọc M đã nhận đủ số tiền vay của các hợp đồng là 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*) theo Giấy nhận nợ số: LD2306701025, ngày 08/3/2023.

Tuy nhiên, sau đó ông Lê Ngọc M không thực hiện việc trả nợ đúng hạn, làm phát sinh nợ quá hạn như vậy đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng vay. nợ. Tính đến ngày 28/6/2024, tổng số tiền nợ là: 809.362.355 đồng, trong đó nợ gốc 755.839.189 đồng, nợ lãi 53.523.166 đồng (lãi trong hạn: 46.130.000 đồng và lãi quá hạn: 7.393.166 đồng) và lãi phát sinh theo thỏa thuận của các hợp đồng kể từ ngày 29/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ.

Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện thông báo, gửi Thông báo nợ nhằm xử lý khoản nợ quá hạn nG ông M thường xuyên không thực hiện theo cam kết trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy chứng tỏ phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các nội dung đã ký kết trong hợp đồng do vậy việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là phù hợp.

Về tiền lãi: Do các Hợp đồng cho vay số: 202326982428 ký ngày 07/3/2023; hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD2310800547 (vay online) ký ngày 18/4/2023 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 31/12/2020, ông Lê Ngọc M đã ký với Ngân hàng A phù hợp với các quy định của pháp luật nên các bên phải tuân thủ đúng nội dung của hợp đồng. Phía bị đơn phải trả tiền lãi như các hợp đồng đã ký kết. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng nợ lãi 53.523.166 đồng (lãi trong hạn: 46.130.000 đồng và lãi quá hạn: 7.393.166 đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày 29/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản nợ vay của Ngân hàng là thửa đất tọa tại khu vực Dốc Hồi Long, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo GCN QSDĐ QSHNO & TSKGLVĐ số DB 538259 (số vào sổ cấp GCN: CS03024) do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 18/5/2021, cập nhật biến động ngày 20/02/2023 theo Hợp đồng thế chấp số 42/2023/TC ngày 08/3/2023 đứng tên ông Lê Ngọc M để thu nợ.

Sau khi phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ nếu giá trị tài sản thế chấp không đủ trả các khoản nợ và chi phí phát sinh trong hợp đồng thì buộc bị đơn phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn lại (nếu có) để trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Từ những nhận định trên, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Thiết là phù hợp.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và án phí Dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào: Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 233, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 299, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Luật Thi hành án Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Ngọc M phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ tính đến ngày 28/6/2024 là: 809.362.355 đồng (Tám trăm lẻ chín triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm năm mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc 755.839.189 đồng, nợ lãi 53.523.166 đồng (lãi trong hạn: 46.130.000 đồng và lãi quá hạn: 7.393.166 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/6/2024) ông Lê Ngọc M còn phải tiếp tục thực hiện trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ và các khoản phí, lệ phí theo quy định đã ký kết của các Hợp đồng cho vay số: 202326982428 ký ngày 07/3/2023; hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số LD2310800547 (vay online) ký ngày 18/4/2023 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 31/12/2020.

Nếu ông Lê Ngọc M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng A là thửa đất tọa tại khu vực Dốc Hội Long, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo GCN QSDĐ QSHNO & TSKGLVĐ số DB 538259 (số vào sổ cấp GCN: CS03024) do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 18/5/2021, cập nhật biến động ngày 20/02/2023 theo Hợp đồng thế chấp số 42/2023/TC ngày 08/3/2023 đứng tên ông Lê Ngọc M để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Nếu giá trị tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho Ngân hàng A thì buộc ông Lê Ngọc M phải tiếp tục thanh toán số tiền còn lại (nếu có) để trả nợ cho Ngân hàng A cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng A không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Lê Ngọc M phải chịu 36.280.870 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Ngày 15/3/2024 nguyên đơn đã nộp 17.480.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001117 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu nay được hoàn trả cho Ngân hàng A.

Về chi phí tố tụng: Ông Lê Ngọc M chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản đã thế chấp thế chấp.

Ông Lê Ngọc M phải hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng A đã tạm ứng cho Ngân hàng A.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, đối với nguyên đơn kể từ ngày tuyên án (28/6/2024), đối với bị đơn kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân TP Phan Thiết
- CC. Thi hành án dân sự TP Phan Thiết
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Ngọc